

Bản án số: 29/2026/DS- ST
Ngày: 13/8/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Bình

Ông Cao Minh Dương

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Mai - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2026/TLST-DS ngày 13/3/2026 về tranh chấp “*Kiện đòi tài sản (Đòi nợ)*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/QĐST- DS ngày 15/7/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ dân phố số A, phường T, thành phố Hà Nội.

(*vắng mặt có lý do*)

Bị đơn: Bà Hoàng Thị Thu H, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Tổ M, phường H, tỉnh Phú Thọ (phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình cũ). (*vắng mặt không lý do*)

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Bà Bùi Thị Thúy Bình**

Trú tại: Tổ A, phường H, tỉnh Phú Thọ

(*vắng mặt có lý do*)

(*Theo hợp đồng ủy quyền chứng thực số 118 quyển số 01/2026 - SCT/CK,ĐC tại Văn phòng C*)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ông Nguyễn Dương Đ**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ dân phố số G H, phường X, thành phố Hà Nội.

(*vắng mặt có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Phạm Văn P trình bày:

Trong khoảng thời gian từ ngày 16/8/2025 đến ngày 23/10/2025, do có quan hệ quen biết và tin tưởng bà Hoàng Thị Thu H nên ông đã nhiều lần cho bà H vay tiền, gồm tiền mặt và tiền chuyển khoản, tổng số tiền 1.300.000.000 đồng.

Cụ thể, ông P giao tiền mặt cho bà H 03 lần với tổng số tiền 350.000.000 đồng và thực hiện chuyển khoản 05 lần với tổng số tiền 950.000.000 đồng vào tài khoản mang tên Hoàng Thị Thu H. Đối với một số lần chuyển khoản, ông P sử dụng tài khoản ngân hàng của ông Nguyễn Dương Đ để thực hiện việc chuyển tiền cho bà H theo sự thống nhất giữa các bên.

Ngày 24/9/2025, ông P và bà H lập Hợp đồng vay tiền, xác nhận số tiền vay là 1.300.000.000 đồng. Theo nội dung hợp đồng, khoản vay không tính lãi, thời hạn vay tối đa 05 năm. Tuy nhiên, các bên đồng thời thỏa thuận ông P có quyền yêu cầu bà H hoàn trả khoản vay vào bất kỳ thời điểm nào khi có nhu cầu sử dụng tiền, với điều kiện phải thông báo trước cho bà H 30 ngày.

Ngày 25/11/2025, do có nhu cầu giải quyết công việc cá nhân, ông P đã thông báo cho bà H về việc yêu cầu thanh toán khoản nợ vay. Sau đó, ông nhiều lần liên hệ bằng điện thoại, tin nhắn và yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H đã thanh toán cho ông P số tiền 40.000.000 đồng. Sau khi trừ số tiền đã thanh toán, bà H còn nợ ông P số tiền gốc 1.260.000.000 đồng.

Nay ông P yêu cầu Tòa án buộc bà Hoàng Thị Thu H phải thanh toán số tiền gốc còn nợ là 1.260.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với số tiền còn nợ, tính theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 26/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đồng thời, ông yêu cầu bà H tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền còn phải thi hành án kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Hoàng Thị Thu H trình bày:

Bà xác nhận có quen biết ông Phạm Văn P và có nhận tiền của ông P nhiều lần trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2025 đến tháng 10 năm 2025. Ngày 24/9/2025, bà và ông P có lập Hợp đồng vay tiền, trong đó xác nhận số tiền vay là 1.300.000.000 đồng. Bà thừa nhận chữ ký của mình trong hợp đồng vay tiền, thừa nhận nội dung hợp đồng và xác nhận khoản tiền vay nêu trên là có thật.

Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà đã thanh toán cho ông P số tiền 40.000.000 đồng. Sau khi trừ số tiền đã thanh toán, bà còn nợ ông P số tiền gốc 1.260.000.000 đồng.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà H thừa nhận còn nợ ông P số tiền gốc

1.260.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 24/9/2025. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền vay, bà đã sử dụng số tiền này để đầu tư, kinh doanh và giải quyết công việc cá nhân. Do hoạt động làm ăn gặp nhiều khó khăn, việc thu hồi vốn không thuận lợi nên hiện nay bà chưa có khả năng thanh toán ngay toàn bộ số tiền còn nợ cho ông P.

Bà xác định không có ý định trốn tránh nghĩa vụ trả nợ mà vẫn có thiện chí thanh toán khoản nợ cho ông P. Tại phiên hòa giải, bà đề nghị ông P tạo điều kiện cho bà được gia hạn thời gian trả nợ hoặc được thanh toán dần theo từng đợt phù hợp với khả năng tài chính. Bà cam kết sẽ có trách nhiệm thanh toán đầy đủ khoản nợ còn lại.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Minh Đ1 trình bày:

Ông có mối quan hệ quen biết với ông Phạm Văn P. Trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2025 đến tháng 10 năm 2025, theo đề nghị của ông Phạm Văn P, ông đã sử dụng các tài khoản ngân hàng đứng tên mình để chuyển tiền vào tài khoản của bà Hoàng Thị Thu H.

Cụ thể:

Ngày 29/9/2025, ông chuyển số tiền 300.000.000 đồng từ tài khoản T2 số 19035193544011 đứng tên Nguyễn Dương Đ vào tài khoản của bà Hoàng Thị Thu H;

Ngày 14/10/2025, ông chuyển số tiền 100.000.000 đồng từ tài khoản VIB số 127818888 đứng tên Nguyễn Dương Đ vào tài khoản của bà Hoàng Thị Thu H;

Ngày 23/10/2025, ông tiếp tục chuyển số tiền 200.000.000 đồng từ tài khoản T2 số 19035193544011 đứng tên Nguyễn Dương Đ vào tài khoản của bà Hoàng Thị Thu H.

Tổng số tiền ông đã thực hiện chuyển vào tài khoản của bà Hoàng Thị Thu H là 600.000.000 đồng.

Ông xác định toàn bộ số tiền nêu trên là tiền của ông Phạm Văn P nhờ ông chuyển khoản hộ. Ông không phải là người cho bà Hoàng Thị Thu H vay tiền, giữa ông và bà Hoàng Thị Thu H không có thỏa thuận vay tài sản và ông không yêu cầu bà Hoàng Thị Thu H thanh toán cho ông bất kỳ khoản tiền nào liên quan đến các giao dịch chuyển khoản nêu trên.

Ông xác nhận các giao dịch chuyển tiền nêu trên là có thật và đề nghị Tòa án căn cứ các chứng từ chuyển khoản, sao kê tài khoản ngân hàng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nhưng có lý do; bị đơn đã được triệu tập

hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Có đủ căn cứ xác định ông Phạm Văn P cho bà Hoàng Thị Thu H vay 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*); bà H đã trả 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*), còn nợ 1.260.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng*). Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bà H trả ông P 1.260.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng*) tiền gốc và 79.397.260 đồng (*Bảy mươi chín triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng*) tiền lãi chậm trả, tổng cộng 1.339.397.260 đồng (*Một tỷ ba trăm ba mươi chín triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng*).

Về án phí: Đề nghị buộc bà Hoàng Thị Thu H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 278, 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 để giải quyết vụ án theo quy định.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản trình bày ý kiến, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Hoàng Thị Thu H thanh toán số tiền gốc 1.260.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng*) và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với số tiền còn nợ, tính theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 26/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đồng thời, yêu cầu bà H tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền còn phải thi hành án kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Phạm Văn P khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị Thu H trả số tiền vay còn nợ. Bị đơn bà Hoàng Thị Thu H cư trú tại phường H, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Dương Đ vắng mặt và có lý do; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng vắng mặt có lý do. Trường hợp này, căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn bà Hoàng Thị Thu H, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Hoàng Thị Thu H theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 24/9/2025, các chứng từ giao nhận tiền, chứng từ chuyển khoản, sao kê tài khoản ngân hàng và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: ngày 24/9/2025, ông Phạm Văn P và bà Hoàng Thị Thu H có giao kết hợp đồng vay tài sản. Theo thỏa thuận, ông P cho bà H vay tổng số tiền 1.300.000.000 đồng; khoản vay không tính lãi, thời hạn vay tối đa 05 năm. Các bên đồng thời thỏa thuận ông P có quyền yêu cầu bà H hoàn trả khoản vay trước thời hạn khi ông có nhu cầu sử dụng tiền, với điều kiện phải thông báo cho bà H trước 30 ngày.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị Thu H thừa nhận có vay của ông Phạm Văn P số tiền 1.300.000.000 đồng, thừa nhận chữ ký của mình trong Hợp đồng vay tiền ngày 24/9/2025 và xác nhận đã thanh toán cho ông P số tiền 40.000.000 đồng, hiện còn nợ số tiền gốc 1.260.000.000 đồng. Lời thừa nhận của bà H phù hợp với nội dung Hợp đồng vay tiền ngày 24/9/2025 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Như vậy, việc bà H nhận số tiền vay 1.300.000.000 đồng và mới thanh toán được 40.000.000 đồng là đã phát sinh nghĩa vụ hoàn trả cho ông P số tiền gốc còn lại 1.260.000.000 đồng.

Đối với thời hạn vay, mặc dù Hợp đồng vay tiền ngày 24/9/2025 xác định thời hạn vay tối đa 05 năm, nhưng các bên đã có thỏa thuận ông P được quyền yêu cầu bà H hoàn trả khoản vay trước thời hạn khi ông có nhu cầu sử dụng tiền, với điều kiện phải thông báo trước 30 ngày. Do đó, yêu cầu của ông P về việc buộc bà H trả số tiền gốc còn nợ là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở xác định bà Hoàng Thị Thu H còn nợ ông Phạm Văn P số tiền gốc 1.260.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn P, buộc bà Hoàng Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn P số tiền 1.260.000.000 đồng.

[3] Về việc ông Nguyễn Dương Đ sử dụng tài khoản ngân hàng để chuyển tiền:

Hồ sơ vụ án thể hiện một số khoản tiền trong tổng số 1.300.000.000 đồng được chuyển vào tài khoản của bà Hoàng Thị Thu H từ tài khoản đứng tên ông Nguyễn Dương Đ. Tuy nhiên, ông Đ xác định số tiền chuyển cho bà H là tiền của ông Phạm Văn P và ông chỉ thực hiện việc chuyển tiền theo đề nghị của ông P; ông không phải là người cho bà H vay tiền và không yêu cầu bà H thanh toán cho mình.

Lời trình bày của ông Đ phù hợp với lời khai của ông P, bà H, Hợp đồng vay tiền ngày 24/9/2025 và các chứng từ chuyển khoản, sao kê tài khoản. Do đó, có căn cứ xác định ông Phạm Văn P là người cho bà H vay tiền; việc sử dụng tài khoản của ông Đ để chuyển tiền chỉ là phương thức giao tiền vay, không làm phát sinh quan hệ vay tài sản giữa ông Đ và bà H.

Vì vậy, không có căn cứ buộc bà H thanh toán khoản tiền nào cho ông Nguyễn Dương Đ.

[4] Về thời hạn trả nợ:

Theo Hợp đồng vay tiền ngày 24/9/2025, thời hạn vay tối đa 05 năm; tuy nhiên, ông Phạm Văn P có quyền yêu cầu bà Hoàng Thị Thu H trả nợ trước hạn khi có nhu cầu sử dụng tiền, với điều kiện thông báo trước 30 ngày.

Ngày 25/11/2025, ông P đã thông báo yêu cầu bà H thanh toán khoản vay. Hết ngày 25/12/2025, thời hạn thông báo 30 ngày đã hết, nên từ ngày 26/12/2025, nghĩa vụ trả nợ của bà H đến hạn. Bà H không thanh toán đầy đủ nên được xác định là chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, yêu cầu của ông P buộc bà H thanh toán số tiền gốc còn nợ là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận và quy định tại Điều 278, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về yêu cầu tính lãi:

Hợp đồng vay tiền ngày 24/9/2025 xác định khoản vay không tính lãi. Tuy nhiên, từ ngày 26/12/2025, bà Hoàng Thị Thu H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định của pháp luật.

Ông Phạm Văn P yêu cầu bà H trả lãi chậm trả đối với số tiền gốc 1.260.000.000 đồng, với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 26/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/8/2026.

Căn cứ Điều 357, khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trường hợp vay không có lãi mà bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ khi đến hạn thì bên vay phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; mức lãi suất được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm. Do đó, yêu cầu tính lãi của ông P là có căn cứ chấp nhận.

Thời gian chậm trả từ ngày 26/12/2025 đến ngày 13/8/2026 là 230 ngày. Tiền lãi được tính như sau:

$1.260.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 230 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 79.397.260 \text{ đồng}$ (*Bảy mươi chín triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng*).

Do đó, buộc bà Hoàng Thị Thu H phải thanh toán cho ông Phạm Văn P số tiền lãi chậm trả là **79.397.260 đồng** (*Bảy mươi chín triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng*).

Tổng số tiền gốc và lãi bà H phải thanh toán cho ông P tính đến ngày xét xử sơ thẩm 13/8/2026 là **1.339.397.260 đồng** (*Một tỷ ba trăm ba mươi chín triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng*).

[6] Đối với đề nghị của bà H về việc được gia hạn hoặc trả dần khoản nợ:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị Thu H thừa nhận khoản nợ nhưng đề nghị được gia hạn thời gian trả nợ hoặc trả dần do gặp khó khăn về kinh tế. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thay đổi thời hạn và phương thức trả nợ phải được các bên thỏa thuận. Ông Phạm Văn P không đồng ý mà yêu cầu bà H thanh toán toàn bộ khoản nợ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận đề nghị của bà H về việc gia hạn hoặc trả dần khoản nợ.

Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn P là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn P được chấp nhận nên bị đơn bà Hoàng Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán là 1.339.397.260 đồng (*Một tỷ ba trăm ba mươi chín triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng*).

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, án phí dân sự sơ thẩm được tính: $36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times (1.339.397.260 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) = 52.181.917,8 \text{ đồng}$, làm tròn 52.181.918 đồng (*Năm mươi hai triệu một trăm tám mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng*).

Do đó, bà Hoàng Thị Thu H phải chịu 52.181.918 đồng (*Năm mươi hai triệu một trăm tám mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung 2025;

- Căn cứ các Điều 357, Điều 401, 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn P.

Buộc bà **Hoàng Thị Thu H** phải trả cho ông **Phạm Văn P** tổng số tiền **1.339.397.260 đồng** (*Một tỷ, ba trăm ba mươi chín triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi đồng*), trong đó:

Tiền nợ gốc: **1.260.000.000 đồng** (*Một tỷ, hai trăm sáu mươi triệu đồng*);

T1 lãi chậm trả tính đến ngày 13/8/2026: **79.397.260 đồng** (*Bảy mươi chín triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Hoàng Thị Thu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị Thu H phải chịu 52.181.918 đồng (*Năm mươi hai triệu, một trăm tám mươi một nghìn, chín trăm mười tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Phạm Văn P số tiền 25.500.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001946 ngày 13/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 12 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà